

Bản án số: 51/2019/HS-ST
Ngày 24-5-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sái Đức Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải.

Bà Dương Thị Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Vũ, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 49/2019/TLST-HS, ngày 16 tháng 4 năm 2019; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2019/HSST-QĐ ngày 09 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên **Phan Thị T**(tên gọi khác không), sinh năm: 1990.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm Đ, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phan Văn X, sinh năm 1968 và bà: Nguyễn Thị L, sinh năm 1965; Chồng: Nguyễn Văn V, sinh năm 1976 (Đã ly hôn); Gia đình có 04 chị em bị cáo là con thứ nhất; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/12/2018 đến ngày 27/12/2018, được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giữ và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959

Nơi cư trú: Tổ 18, phường P, TP.T, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Anh Dương Viết C, sinh năm 1979

Nơi cư trú: Xóm R, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

2. Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1987

Nơi cư trú: Xóm Đ, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

3. Chị Hoàng Hương G, sinh năm 1982

Nơi cư trú: Xóm H, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

4. Chị Dương Thị H, sinh năm 1989

Nơi cư trú: Tổ 18, phường P, TP.T, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 15 phút ngày 21/12/2018, Tổ công tác Công an huyện P, tỉnh Thái Nguyên đang làm nhiệm vụ tại xã T, huyện P thì nhận được tin báo của quần chúng nhân dân, tại nhà nghỉ H thuộc xóm H, xã T có một số đối tượng đang sử dụng trái phép chất ma túy. Tổ công tác đã đến nhà nghỉ H theo nguồn tin để kiểm tra thì phát hiện một phụ nữ đeo khẩu trang đang đứng trước cửa phòng số 04 của nhà nghỉ, thấy có biểu hiện nghi vấn liên quan đến ma túy. Tổ công tác đã đến yêu cầu cho kiểm tra, thì người phụ nữ khai nhận tên là Phan Thị T, sinh năm 1991, trú tại: Xóm Đ, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên đồng thời, T tự giác lấy từ bên trong lớp vải của khẩu trang mà T đang đeo ra giao nộp cho tổ công tác 01 túi lilon màu trắng, bên trong có chứa 19 viên nén màu hồng hình trụ tròn trên bề mặt của mỗi viên đều có ký hiệu WY, (Thư khai là ma túy ngựa), ngoài ra còn thu giữ nhiều vật chứng có liên quan. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả

tang, niêm phong vật chứng theo quy định và đưa T về Công an huyện Phú Bình để điều tra làm rõ.

Hồi 22 giờ 00 phút ngày 21/12/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P phối hợp với phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên, tiến hành mở niêm phong, cân xác định trọng lượng 19 viên nén hình trụ tròn màu hồng trên bề mặt mỗi viên một mặt đều in chữ WY có ký hiệu A, thu giữ của Phan Thị T có khối lượng là 1,945 gam, lấy hết 1,945 gam làm mẫu gửi giám định ký hiệu A1.

Tại bản kết luận giám định số: 173/KL-PC09 ngày 27/12/2018 của phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thái Nguyên, kết luận: viên nén hình trụ tròn màu hồng trong mẫu A1 thu giữ của Phan Thị T gửi đến giám định là chất ma túy loại Methamphetamine, có khối lượng là: 1,945gam, sau giám định hoàn lại là 1,840gam.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra, Phan Thị T khai nhận: Do bản thân là người mắc nghiện ma túy, nên sáng ngày 21/12/2018, T đi từ nhà một mình lên nhà chị Hoàng Hương G, sinh năm 1982, trú tại: Xóm H, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên để chơi. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, T mượn xe mô tô BKS 20H4-4235 của chị G để về huyện P, chị G đồng ý. Khi mượn được xe mô tô T hẹn Nguyễn Văn K, sinh năm 1987, trú tại xóm Đ, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên là T sẽ đi mua ma túy về để cùng nhau sử dụng với K tại nhà nghỉ H. T điều khiển xe mô tô của chị G lên khu vực bến xe khách Thái Nguyên gặp một người đàn ông không rõ tên, tuổi, địa chỉ và mua của người đàn ông này được 19 viên nén ma túy tổng hợp với giá 1.200.000 đồng. Sau khi giao tiền và nhận ma túy, cất giấu vào khẩu trang đi về và nhà nghỉ H với mục đích để sử dụng cùng với K, nhưng chưa kịp sử dụng thì bị lực lượng Công an kiểm tra, phát hiện bắt quả tang thu giữ vật chứng như đã nêu trên.

Cáo trạng số 60/CT-VKSPB ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P đã truy tố bị cáo Phan Thị T về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Phan Thị T khai nhận khi bị bắt, bị cáo khai với Cơ quan Công an là: “Sinh năm 1991, Nơi ĐKKHKT: xóm Đ” nhưng các giấy tờ hộ tịch “giấy khai sinh”, sổ hộ khẩu gia đình, chứng minh nhân dân của bị cáo đăng ký đều: “Sinh năm 1990, Nơi ĐKKHKT: xóm Đ”. Bị cáo cũng đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã khai tại Cơ quan điều tra. Lời khai nhận

của bị cáo nêu trên là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo đã kết luận: giữ nguyên cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị với Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phan Thị T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s, n khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt Phan Thị T từ 24 đến 30 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01(một) bì niêm phong kí hiệu A1 bên trong có chứa 1,840 gam ma túy Methamphetamine mẫu hoàn lại sau giám định; 01 khẩu trang xọc kẻ ca rô nhiều màu và 01 bì niêm phong ký hiệu C;

- Tạm giữ của bị cáo 01 điện thoại di động Mobistar màu vàng nhạt có số imel, 05 số cuối là 42911 điện thoại cũ đã qua sử dụng để đảm bảo cho việc Thi hành án;

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Jupiter R Yamaha màu xanh, BKS 20H4-4235 đã qua sử dụng không liên quan đến vụ án, Công an huyện Phú Bình đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu bà Nguyễn Thị N quản lý, sử dụng.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Kết thúc phần tranh luận bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: của Điều tra viên Cơ quan điều tra Công an huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại

phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai đó có căn cứ chấp nhận vì đúng như cáo trạng truy tố, phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, sơ đồ hiện trường, vật chứng thu giữ, kết luận giám định, lời khai của người tham gia tố tụng khác cùng với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ khẳng định:

Vào khoảng 16 giờ 15 phút ngày 21/12/2018, tại nhà nghỉ H thuộc xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, bị cáo Phan Thị T đã có hành vi tàng trữ 19 viên nén hình trụ tròn màu hồng trên bề mặt mỗi viên một mặt đều in chữ WY đều là ma túy Methamphetamine, có trọng lượng là 1,945gam, mục đích bị cáo mua về để sử dụng cho bản thân, nhưng chưa kịp sử dụng thì bị Tổ công tác Công an huyện P phát hiện bắt quả tang thu giữ vật chứng.

Hành vi của bị cáo Phan Thị T có đủ yếu tố cấu thành tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Nội dung Điều 249 của Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

c) Methamphetamine...có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự xã hội ở địa phương là nguyên nhân làm phát sinh các tội phạm hình sự khác. Cần phải xử lý nghiêm

minh bằng pháp luật hình sự và cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt.

Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, là phụ nữ dân tộc thiểu số, nhận thức còn hạn chế về tác hại của ma túy, nguyên nhân phạm tội là do đi làm phục vụ tại quán hát karaoke, nên đã bị bạn bè rủ rê, lôi kéo vào việc sử dụng trái phép chất ma túy; Bị cáo phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; là phụ nữ có thai nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, n khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xét nhân thân, tính chất mức độ tội phạm và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc một mức án tương ứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người nghiện ma túy không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

[5] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Đối với 01(một) bì niêm phong kí hiệu A1 bên trong có chứa 1,840 gam ma túy Methamphetamine, mẫu hoàn lại sau giám định; 01 khẩu trang xộc kẻ ca rô nhiều màu và 01 bì niêm phong ký hiệu C, không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy;

- Cần tạm giữ của bị cáo T 01 điện thoại di động Mobistar màu vàng nhạt có số imel, 05 số cuối là 42911 điện thoại cũ đã qua sử dụng để đảm bảo cho việc Thi hành án

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Jupiter R Yamaha màu xanh, BKS 20H4-4235 đã qua sử dụng không liên quan đến vụ án. Công an huyện Phú Bình đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu bà Nguyễn Thị Nguyệt quản lý, sử dụng, bà Nguyệt không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Trong vụ án này, còn có đối tượng Nguyễn Văn K khi được Cơ quan Cảnh sát điều tra làm việc lấy lời khai và cho đối chất giữa bị cáo T và K về hành vi hứa hẹn với T mua ma túy về nhà nghỉ H để sử dụng trái phép, nhưng K không thừa nhận hành vi nêu trên, Cơ quan CSĐT không có căn cứ để xử lý đối với K theo quy định của pháp luật.

[7]. Xét đề nghị của Đại diện viện kiểm sát trong lời luận tội: Về tội danh, mức hình phạt chính, phạt bổ sung, xử lý vật chứng vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[8]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cần buộc bị cáo phải chịu một khoản án phí hình sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

[9]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s, n khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 47 của Bộ luật hình sự;

- Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phan Thị T phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt chính: Xử phạt Phan Thị T **02** (Hai) năm tù, được trừ đi số ngày tạm giữ từ ngày 21/12/2018 đến ngày 27/12/2018. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

- Tịch thu tiêu hủy 01(một) bì niêm phong kí hiệu A1 bên trong có chứa 1,840 gam ma túy Methamphetamine, mẫu hoàn lại sau giám định; 01 khẩu trang xộc kẻ ca rô nhiều màu và 01 bì niêm phong ký hiệu C.

- Tạm giữ 01 điện thoại di động Mobistar màu vàng nhạt có số imel, 05 số cuối là 42911 điện thoại cũ đã qua sử dụng của bị cáo để đảm bảo cho việc Thi hành án.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/5/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra của Công an huyện P và Chi cục Thi hành án dân sự huyện P).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Phan Thị T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

5. Thông báo về quyền kháng cáo: Có mặt bị cáo (T) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (bà N) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND huyện P;
- Cơ quan điều tra CA huyện P;
- CQTHAHS Công an huyện P;
- CC T.H.A DS huyện P;
- Bị cáo- NLQ;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Sái Đức Trung

